

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143/2021/DS-PT**
Ngày: 22/10/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Trương Thị Liên.

2/- Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn P.** sinh năm: 1962. Địa chỉ: ấp T, xã Trung H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Ngọc T. sinh năm: 1966. Địa chỉ: Quốc lộ 91, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020*). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Bé S.** sinh năm: 1970.

Bà **Lý Thị L.** sinh năm: 1967.

Anh **Nguyễn Xuân X.** sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Trung H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà L ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Nguyễn Văn Bé S (*văn bản ủy quyền ngày 19/10/2021*).

Anh X ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Phan Thanh H. sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (*văn bản ủy quyền ngày 08/11/2020*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Đặng Thu H.** sinh năm: 1966. Ngụ cùng địa chỉ nguyên đơn. Ủy quyền tham gia tố tụng cho: ông Lưu Ngọc T (*văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020*).

- Ông **Phạm Minh V.** sinh năm: 1973.

- Bà **Đặng Thị H1**. sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp T, xã Trung T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Mai Văn H2**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Lê Thanh N. sinh năm: 1998. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*văn bản ủy quyền ngày 09/7/2021*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Ph**, Văn phòng Luật sư Ph thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

4. Người làm chứng:

- Ông **Võ Văn P1**. sinh năm: 1954.

- Ông **Đinh Văn Tr**. sinh năm: 1961.

- Ông **Phạm Văn T1**. sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Trung H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Anh **Võ Hùng T2**. sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp T, xã Trung H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L và Người liên quan ông Mai Văn H2.

6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Lưu Ngọc T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ họ hàng, nên ông P có cho anh X vay tiền nhiều lần. Đến ngày 02/02/2016 (âl) anh X làm biên nhận chót nợ tổng số là 1.650.000.000đ và ngày 08/02/2016 (âl) vay thêm 94.000.000đ. Tổng 02 khoản nợ là 1.744.000.000đ, sau đó anh X có thanh toán cho ông P, nên còn nợ 1.204.000.000đ. Đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 nguyên đơn chỉ kiện anh X, nhưng sau đó khởi kiện bổ sung cả ông S, bà L liên đới cùng anh X để trả số tiền nợ gốc là 1.204.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2016 (âl) đến 08/3/2021 (âl), lãi suất 0,83%/tháng là 619.578.000đ, tổng cộng 1.823.578.000đ. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa diện tích 12.000m² đất (thuộc thửa 284, diện tích 27.067m²) do anh X đứng tên để đảm bảo thi hành án.

* Phía bị đơn trình bày:

+ Ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L trình bày: Ông bà xác định việc vay tiền của nguyên đơn là do ông bà vay và còn nợ 1.204.000.000đ, chứ không phải anh X vay. Các biên nhận nợ do X viết dùm ông bà, chứ anh X không liên quan. Tại biên bản hòa giải cơ sở, ông bà cũng đã xác nhận nợ ông P 1.204.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn, nên nay ông bà xin trả nợ gốc, không đồng ý trả lãi.

+ Anh Nguyễn Xuân X thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H trình bày: anh X không đồng ý liên đới cùng ông S, bà L trả số nợ này, vì anh không vay tiền. Anh xác định chỉ viết dùm biên nhận nợ cho ông S, bà L và sử dụng con dấu tiệm vàng HAKL đóng dấu. Mặt khác, tại hòa giải cơ sở ông S cũng đã xác nhận nợ ông P số tiền gốc 1.204.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Mai Văn H2 có người đại diện ủy quyền chị Lê Thị Th trình bày: Do anh X thiếu nợ Ngân hàng và bị phát mãi thửa đất 284, diện tích 27.067m² để thu hồi nợ. Ông H2 đã nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này và nộp số tiền 1,3 tỷ tại Cơ quan thi hành án để anh X trả nợ Ngân hàng. Trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển quyền thì ông P có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Tòa án đã phong tỏa 12.000m² thuộc một phần thửa đất. Ông H2 yêu cầu hủy quyết định khẩn cấp tạm thời phong tỏa diện tích 12.000m² để ông làm thủ tục chuyển quyền toàn bộ diện tích 27.067m².

+ Ông Phạm Minh V, bà Đặng Thị H1 trình bày: Năm 2016 ông bà có giao ông P số tiền 500 triệu để cho gia đình ông S vay. Ông bà không rõ số tiền này ông P cho ai cụ thể trong gia đình ông S vay. Sau đó, ông P yêu cầu tách 500 triệu này ra và ông bà thông nhất phần này là ông S, bà L vay. Ông S, bà L đã trả được 205 triệu, còn nợ 295 triệu. Ông bà xác định không yêu cầu hay tranh chấp gì đối với ông S, bà L trong vụ án này. Nếu sau này cần thiết ông bà sẽ khởi kiện riêng.

** Người làm chứng ông Đinh Văn Tr, Võ Văn P1, Phạm Văn T1 trình bày:*

Các ông là thành viên của Tổ hòa giải ấp Thạnh Quới 1, xã Trung Hưng. Ngày 21/12/2016 tổ hòa giải có tiến hành hòa giải theo đơn yêu cầu của ông P về việc đòi nợ đối với anh X, ông S và bà L. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải anh X vắng mặt và các bên thống nhất chốt nợ nên tổ hòa giải chốt nợ giữa ông P, ông S và bà L theo nội dung biên bản hòa giải. Tổ hòa giải căn cứ 02 biên nhận ngày 29/9/2016 do ông S cung cấp để chốt nợ, còn sự thật các khoản nợ, giao nhận tiền giữa các bên như thế nào Tổ hòa giải không rõ, không xác định được anh X có nợ ông P hay không.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P. Buộc anh Nguyễn Xuân X, ông Nguyễn Văn Bé S và bà Lý Thị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.823.578.000đ; trong đó, tiền gốc là 1.204.000.000đ, tiền lãi là 619.578.000đ.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2019 về việc phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.000m² thuộc một phần thửa 284, tờ bản đồ 06, diện tích 27.067m² do anh Nguyễn Xuân X đứng tên quyền sử dụng đất; tọa lạc ấp P, xã Thạnh P, huyện C, thành phố Cần Thơ

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/4/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xác định việc vay nợ và trách nhiệm trả nợ là của ông bà, anh X không liên quan nên không phải liên đới cùng ông bà trả nợ.

Ngày 07/5/2021 người liên quan ông Mai Văn H2 kháng cáo phần Quyết định khẩn cấp tạm thời, yêu cầu phúc thẩm hủy bỏ quyết định này vì đây là tài sản ông mua được trong giai đoạn thi hành án.

Cùng ngày 07/5/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định số 18/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị theo hướng sửa án sơ thẩm

loại bỏ trách nhiệm liên đới trả nợ của anh X và hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng thời các bên đương sự và Luật sư còn tranh luận xoay quanh trách nhiệm liên đới trả nợ của anh X và việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản do Ông H2 nhận chuyển nhượng trong giai đoạn thi hành án có phù hợp hay không để bảo vệ cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đương sự và Tòa án hai cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện người vay tiền của ông P là ông S, bà L. Anh X chỉ là người viết biên nhận giùm nên cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của anh X là không đúng quy định pháp luật. Từ đó áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của anh X bị kê biên phát mãi bán cho Ông H2 trong giai đoạn thi hành án cũng không đúng quy định pháp luật. Đề nghị phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông S, bà L, Ông H2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ loại trừ trách nhiệm liên đới của anh X và hủy quyết định khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản, vì vậy cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Người có liên quan ông Phạm Minh V, bà Đặng Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L; người có liên quan ông Mai Văn H2 kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ có kháng nghị. Xét kháng cáo, kháng nghị thấy rằng:

[2] Nguyên đơn căn cứ vào 02 văn bản tài liệu là Giấy cộng các khoản nợ ngày 02/02/2016 (âl) (BL14) và “*Biên nhận*” ngày 08/02/2016 (âl) (BL13) đề kiện đòi ông S, bà L và anh X cùng liên đới trả nợ. Xét thấy: cả 02 văn bản vay tiền tuy có đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng HAKL do ông Nguyễn Văn Bé S làm Chủ doanh nghiệp. Nhưng các bên xác định việc vay mượn là cá nhân với nhau, không phải Doanh nghiệp vay mượn nên xác định bị đơn là cá nhân là đúng.

[2.1] Mặc dù cả 02 văn bản tài liệu nhận nợ nói trên do anh X viết và ký tên, nhưng như phía bị đơn đã xác định đó là anh X viết giùm cho ba anh là ông S, nên đều đóng dấu DNTN tiệm vàng HAKL, có nghĩa khi làm giấy xác nhận nợ các bên đã xác định đây là khoản vay của vợ chồng ông bà Tiệm vàng HAKL. Bởi lẽ chính nguyên đơn khai việc cho vay tiền là để ông S, bà L sử dụng kinh doanh tiệm vàng, cầm đồ và người trực tiếp vay tiền là vợ chồng ông

S, bà L chứ không phải anh X; còn việc nhận tiền vay thì có khi ông S hoặc bà L hoặc anh X nhận (BL28) “*Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản*” gửi Ban nhân dân ấp T, xã Trung H, huyện C ngày 01/12/2016 của vợ chồng nguyên đơn và ông Phạm Minh V đã thể hiện rõ.

[2.2] Đồng thời tại 02 “*Biên nhận tiền*” ngày 29/9/2016 (BL24,25) có cả 03 người là ông S, ông P và ông V cùng ký tên để tách khoản nợ 500 triệu của ông V ra, còn lại 1 tỷ 244 triệu nợ ông P cũng thể hiện người vay tiền là ông S chứ không đề cập đến anh X. Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải ngày 11/12/2016 (BL22,23) của Tổ hòa giải ấp T, chính nguyên đơn trình bày do vợ chồng ông S, bà L vay tiền của nguyên đơn làm ăn thua lỗ, nợ chưa trả nên nay yêu cầu ông S, bà L có trách nhiệm trả nợ. Cấp sơ thẩm nhận định: do anh X là người trực tiếp viết, ký tên trên 02 biên nhận nợ và thời điểm đó anh độc thân, sống cùng ông S, bà L nên buộc trách nhiệm liên đới trả nợ là không có căn cứ. Kháng cáo phần này của ông S, bà L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ có căn cứ nên chấp nhận, sửa án như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm loại bỏ trách nhiệm liên đới trả nợ của anh X là phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của người có liên quan ông Mai Văn H2, yêu cầu hủy bỏ quyết định khẩn cấp tạm thời phong tỏa phần đất mà ông đã mua từ tài sản bị phát mãi. Xét rằng, đây tài sản bị kê biên phát mãi đưa ra bán đấu giá nhiều lần nhưng không có người mua. Sau đó được sự chấp thuận của cơ quan thi hành án, Ông H2 mua phần đất này và nộp tiền trả thay cho anh X tại cơ quan thi hành án. Sau khi Ngân hàng có văn bản xác định anh X đã thanh toán xong nợ, Cơ quan thi hành án xác định anh X đã thi hành án xong đề nghị Công ty bán đấu giá dừng việc bán đấu giá tài sản thi hành án, cho phép ông H2 và anh X làm thủ tục chuyển nhượng và đang chờ làm thủ tục sang tên chuyển quyền. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản mà ông H2 đã nhận chuyển nhượng trong giai đoạn thi hành án là không phù hợp. Đồng thời như đã phân tích, do đã loại trừ trách nhiệm liên đới trả nợ của anh X, nên việc kê biên, phong tỏa tài sản của người không có nghĩa vụ là không có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo, kháng nghị phần này của ông H2 và Viện kiểm sát có căn cứ, cần hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ. Ông H2 có quyền làm đơn yêu cầu để Chánh án Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xem xét giải quyết việc ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên.

[4] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bên thống nhất thời điểm xác lập hợp đồng vay là ngày 08/02/2016 (âl) nhằm ngày 16/3/2016 (dl) và nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vốn, lãi tính đến ngày 08/3/2021 (âl) nhằm ngày 19/4/2021 (dl). Đồng thời cả 02 giấy nợ đều không thể hiện thời hạn vay, còn mức lãi suất thì không cụ thể. Do đó xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi theo Điều 477 và lãi suất được áp dụng theo Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố 9%/năm. Tuy nhiên, kể từ ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành, thì mức lãi suất vay đã có sự thay đổi so với Bộ luật dân sự 2005. Đồng thời Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất cũng đã quy định cụ thể cho từng trường hợp. Cấp sơ thẩm áp dụng chỉ một mức theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (0,83%/tháng) và tính 62 tháng (thực tế chỉ 61 tháng 3 ngày) là không chính xác và áp dụng pháp luật không đúng, gây thiệt hại cho bị đơn số tiền trả nợ chênh lệch hơn 18.000.000đ. Tuy nhiên do không có kháng cáo, kháng nghị phần này nên phúc thẩm không điều chỉnh, đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị đơn và người liên quan được chấp nhận, nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 112, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Nguyễn Văn Bé S, bà Lý Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 1.823.578.000đ (trong đó: tiền gốc 1.204.000.000đ + tiền lãi 619.578.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/- Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

3/- Về án phí: Ông S, bà L phải chịu án phí sơ thẩm 66.707.000đ. Ông S, bà L và Ông H2 không phải chịu án phí phúc thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp của ông S, bà L theo Biên lai số 013665 ngày 29/4/2021 và của Ông H2 theo Biên lai số 013672 ngày 07/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 33.174.000đ theo Biên lai số 004971 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.H.Cờ Đỏ.
- Chi cục THADS.Cờ Đỏ.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)
Trần Tuấn Quốc